

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2025.

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Tội;
- Bà Hoàng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh cơ sở Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 5 đường 10 Tổ 11 khu phố L, phường L1, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Thanh Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 51 ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn về chia tài sản: Anh Diệp Văn C1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 56 đường số 24 Bời Lời, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền đề ngày 05-8-2025.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S: Bà Đỗ Thị Thanh H, chức vụ: Chuyên viên Kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Là người đại diện uỷ quyền theo Văn bản uỷ quyền đề ngày 17-3-2025; có mặt.

3.2 Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Số 412 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần B: Anh Lưu Hoàng Phúc T và anh Hồ Nguyên L, chức vụ: Chuyên viên Trung tâm quản lý và thu hồi nợ - Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền đề ngày 15-5-2025; anh T vắng mặt, anh L có mặt.

3.3 Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 17, khu phố N, phường N1, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Đoàn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Hồ Thanh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cầu Khởi, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 17-3-2011. Quá trình chung sống chị và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 2/2025 chị bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh Đ không còn liên lạc, chăm sóc lẫn nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hồ Minh T1, sinh ngày 06-3-2011 và cháu Hồ Minh P, sinh ngày 26-11-2014. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với anh Đ. Chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung:

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay, chị và anh Đ đang thế chấp phần đất trên để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương tín (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) số tiền 220.000.000 đồng. Chị đồng ý giao toàn quyền sử dụng đất phần đất trên cho anh Đ và khoản vay 220.000.000 đồng tại Ngân hàng Sacombank sẽ do anh Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Sacombank.

Đối với phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của chị. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là do chị mượn với chị Nguyễn Thị H, không phải nguồn tiền chung của vợ chồng, hiện nay chị còn nợ chị H 80.000.000 đồng. Khi làm giấy đất, anh Đ có ký giấy xác nhận là

tài sản riêng của chị. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của anh Đ đối với phần đất này.

Về khoản nợ 550.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Bản Việt) mặc dù theo hợp đồng tín dụng thì chị có cùng ký tên với anh Đ. Tuy nhiên, đây là nợ riêng của anh Đ, chị không nhận tiền vay từ Ngân hàng mà anh Đ là người trực tiếp nhận. Anh Đ sử dụng số tiền trên để dùng trả nợ cá nhân của anh Đ nên chị không đồng ý yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số nợ của anh Đ.

Bị đơn – anh Hồ Thanh Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, con chung, mâu thuẫn và thời gian ly thân. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung:

Anh yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung là phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 toạ lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc phần đất này do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân. Khi nhận chuyển nhượng phần đất trên anh là người đi coi đất, còn về giấy tờ thì anh giao cho chị T đi làm thủ tục sang tên. Anh có ký văn bản cam kết về tài sản, tuy nhiên khi ký văn bản này thì vợ chồng anh vẫn còn thuận thảo nên chị T đưa anh thì anh ký, anh không đọc nội dung. Chị T trình bày mượn tiền chị H để nhận chuyển nhượng phần đất trên là không đúng.

Đối với yêu cầu chia phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh thì anh thống nhất với ý kiến của chị T. Anh đồng ý nhận quyền sử dụng phần đất diện tích trên và sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ 220.000.000 đồng tại Ngân hàng Sacombank theo hợp đồng tín dụng đã ký. Phần đất trên sau khi được sang tên cho anh vẫn là tài sản đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng. Anh không yêu cầu chị T có trách nhiệm cùng anh trả khoản nợ này cho Ngân hàng Sacombank.

Đối với khoản nợ 550.000.000 đồng của Ngân hàng Bản Việt anh yêu cầu chia đôi, anh và chị T mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Bản Việt $\frac{1}{2}$ số tiền nợ do đây là nợ chung của vợ chồng.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - chị Đỗ Thị Thanh H trình bày:

Ngày 25-10-2024, anh Hồ Thanh Đ và chị Đoàn Thị Thu T có vay của Ngân hàng Sacombank số tiền 220.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 202327282575 và thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01/202327282575. Khi vay tiền, anh Đ, chị T có thể chấp cho Ngân hàng Sacombank phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202210242016549. Do anh Đ, chị T chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án này.

Ngân hàng Sacombank thống nhất với ý kiến của anh Đ, chị T về tài sản thế chấp và khoản vay. Đề nghị Toà án công nhận phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là của anh Đ và anh Đ sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Sacombank. Tài sản sau khi giao cho anh Đ vẫn là tài sản đảm bảo cho khoản vay tài Ngân hàng Sacombank. Ngân hàng Sacombank không yêu cầu chị T có trách nhiệm cùng anh Đ trả khoản nợ này.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt - anh Hồ Nguyên Lợi trình bày:

Ngày 28-10-2024, Ngân hàng Bản Việt có cho chị Đoàn Thị Thu T, anh Hồ Thanh Đ vay số tiền 550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0172400067800. Ngân hàng đã giải ngân cho anh Đ, chị T xong. Khi vay tiền, anh Đ và chị T có thể chấp cho Ngân hàng Bản Việt phần đất thuộc thửa số 375 tờ bản đồ 37 toạ lạc tại xã Cầu Khởi, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh do anh Đ đứng tên quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 0172400067900 ngày 28-10-2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T, anh Đ chưa vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này. Ngân hàng Bản Việt không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Đ về yêu cầu chia đôi nghĩa vụ anh Đ và chị T mỗi người ½ số tiền nợ, anh Đ và chị T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Văn Lúa trình bày:

Vào tháng 01/2025, anh Đ và chị T có cho anh mượn phần đất thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để trồng mì. Hiện nay, cây mì trên đất là do anh trồng. Khi nào anh Đ, chị T lấy lại đất thì anh sẽ thu hoạch mì để trả lại đất. Nay, vợ chồng anh Đ tranh chấp chia tài sản đối với phần đất trên thì anh không có ý kiến, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị là đồng nghiệp cũ của chị T. Vào năm 2022, chị và chị T có hùn tiền để nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 toạ lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với giá khoảng hơn 300.000.000 đồng, chị hùn 150.000.000 đồng. Sau đó, chị chuyển phần hùn vốn của chị sang cho chị T bằng hình thức chị T viết giấy nợ còn nợ chị số tiền 150.000.000 đồng, chị T được toàn quyền định đoạt phần đất trên. Giấy nợ chỉ do 01 mình chị T ký tên do chỉ có chị và chị T giao dịch với nhau và giấy nợ hiện đã bị thất lạc. Chị T đã trả cho chị được số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ chị số tiền 80.000.000 đồng. Do chị T chưa vi phạm thời hạn trả nợ nên chị không có khởi kiện yêu cầu trong vụ án này.

Tại phiên tòa,

Chị Đoàn Thị Thu T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh Đ. Chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị đồng ý giao quyền sử dụng đất phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Đ có trách nhiệm thanh toán khoản vay 220.000.000 đồng tại Ngân hàng Sacombank. Đối với phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 toạ lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của chị nên chị không đồng ý chia. Đối với khoản nợ 550.000.000 đồng tại Ngân hàng Bản Việt là nợ riêng của anh Đ nên chị không đồng ý chia đôi nợ.

Anh Diệp Văn C1 trình bày: Anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Anh Đ đồng ý nhận phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Đ có trách nhiệm thanh toán khoản vay tại Ngân hàng Sacombank. Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 toạ lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, anh Đ yêu cầu được nhận đất, đồng ý thôi cho chị T số tiền 156.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất khi nhận chuyển nhượng. Đối với khoản nợ 550.000.000 đồng của Ngân hàng Bản Việt anh Đ yêu cầu chia đôi, anh và chị T mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Bản Việt $\frac{1}{2}$ số tiền nợ do đây là nợ chung của vợ chồng.

Chị Đỗ Thị Thanh H trình bày: Ngân hàng Sacombank đồng ý với thỏa thuận của anh Đ và chị T về thỏa thuận phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 toạ lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là của anh Đ và anh Đ sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Sacombank. Ngân hàng Sacombank không yêu cầu chị T có trách nhiệm cùng anh Đ trả khoản nợ này.

Anh Hồ Nguyên Lợi trình bày: Ngân hàng Bản Việt không đồng ý với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số nợ tại Ngân hàng Bản Việt của anh Đ và chị T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do chính đáng.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 29, 33, 37, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hồ Thanh Đ. Chị T được ly hôn với anh Đ. Giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Hồ Thanh Đ. Ghi nhận các đương sự thống nhất anh Đ được chia phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và anh Đ sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Sacombank khi Ngân hàng Sacombank yêu cầu. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Đ đối với phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã Bàu Nặng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Đối với yêu cầu chia nợ tại Ngân hàng Bản Việt sẽ được giải quyết khi Ngân hàng Bản Việt có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đoàn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hồ Thanh Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Khởi Trung, xã Cầu Khởi, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Nay là ấp Khởi Trung, xã Cầu Khởi, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 19-3-2025 anh Đ có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” và thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau ngày 01-7-2025, căn cứ theo Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27-6-2025 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[1.2] Tại phiên toà, anh Hồ Thanh Đ và chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn xin đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu T về yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hồ Thanh Đ:

[2.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu T và anh Hồ Thanh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cầu Khởi, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 17-3-2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ và anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh Đ.

[2.1.2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hồ Minh T1, sinh ngày 06-3-2011 và cháu Hồ Minh P, sinh ngày 26-11-2014. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với anh Đ. Anh Đ và chị T thống nhất giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với ý kiến của cháu T1 và cháu P. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu T1 và cháu P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của anh Hồ Thanh Đ về chia tài sản khi ly hôn:

[2.2.1] Về yêu cầu chia tài sản đối với phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là phường Ninh Thạnh, tỉnh Tây Ninh):

Phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 tọa lạc tại phường Ninh Thạnh, tỉnh Tây Ninh do chị Đoàn Thị Thu T đứng tên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 709284 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25-02-2022. Căn cứ theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai khu vực

Dương Minh Châu cung cấp thì anh Đ có ký tên vào văn bản cam kết về tài sản, được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Trần Tất Duy ngày 16-12-2021. Theo văn bản cam kết này có nội dung tiền nhận chuyển nhượng phần đất trên hoàn toàn là tiền riêng của chị T, anh Đ không có bất cứ đóng góp nào với việc chuyển nhượng. Mặt khác, cùng ngày 16-12-2021 chị T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đỗ Văn Kiệp tại Văn phòng Công chứng Trần Tất Duy, anh Đ cho rằng phần đất nhận chuyển nhượng là tài sản chung nhưng cùng chị T có mặt tại Văn phòng công chứng Trần Tất Duy nhưng lại không ký hợp đồng chuyển nhượng mà lại ký vào văn bản cam kết trên. Anh Đ cho rằng nguồn tiền nhận chuyển nhượng là tiền chung của vợ chồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 tọa lạc tại phường Ninh Thạnh, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của chị T theo quy định tại Điều 34, 43 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ về yêu cầu chia tài sản đối với diện tích đất trên.

[2.2.2] Về yêu cầu chia tài sản đối với phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Xã Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh) và yêu cầu chia đôi $\frac{1}{2}$ số tiền nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (sau đây gọi là Ngân hàng Sacombank) thì thấy rằng,

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 561451 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 01-6-2020 thì phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại Xã Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh do chị T, anh Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Chị T, anh Đ thống nhất nguồn gốc phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại xã Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của vợ chồng. Các đương sự không tranh chấp về tài sản trên đất. Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất trên là tài sản chung của vợ chồng anh Đ, chị T theo quy định tại Điều 33, 34 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung là có cơ sở chấp nhận. Phần đất trên hiện nay đang thế chấp cho Ngân hàng Sacombank để đảm bảo cho khoản vay 220.000.000 đồng của anh Đ và chị T.

Tại phiên tòa, chị T, anh Đ và đại diện Ngân hàng Sacombank thống nhất chia cho anh Đ phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại Xã Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cho anh Đ và anh Đ sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản vay 220.000.000 đồng và tiền lãi tại Ngân hàng Sacombank theo Hợp đồng tín dụng số 202327282575 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01/202327282575 khi Ngân hàng Sacombank có yêu cầu. Các

đương sự thống nhất không yêu cầu chị T cùng có trách nhiệm với anh Đ trả khoản nợ này.

Như vậy, mặc dù Ngân hàng Sacombank không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa các đương sự thoả thuận được với nhau, do thỏa thuận này có liên quan đến tài sản đang tranh chấp và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2.3] Về yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Bản Việt) thì thấy rằng,

Anh Đ yêu cầu chia đôi số tiền vay 550.000.000 đồng tại Ngân hàng Bản Việt theo Hợp đồng tín dụng số 0172400067800 ngày 28-10-2024, anh Đ và chị T mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ. Tuy nhiên, Ngân hàng Bản Việt không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án này và không đồng ý với yêu cầu của anh Đ. Đồng thời, các bên cũng không yêu cầu chia tài sản đối với tài sản đang thế chấp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau “...Trường hợp vợ chồng có nghĩa vụ với người thứ ba mà người thứ ba không yêu cầu giải quyết thì Tòa án hướng dẫn họ để giải quyết bằng vụ án khác”. Do đó, đối với yêu cầu chia đôi nợ của anh Đ sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi Ngân hàng Bản Việt có yêu cầu.

[3] Xét lời đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.500.000 đồng. Chị T tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do anh Đ đã nộp tạm ứng và Tòa án đã chi xong nên chị T phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Đ số tiền 1.750.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Đoàn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005195 ngày 19-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

Anh Hồ Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí chia tài sản chung không được chấp nhận, 12.000.000 đồng tiền án phí đối với tài sản được hưởng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng mà anh Đ đã nộp theo biên lai

thu số 0005195 ngày 19-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Đ còn phải nộp số tiền án phí là 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 29, 33, 34, 37, 43, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Đoàn Thị Thu T đối với anh Hồ Thanh Đ.

1.1 Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu T được ly hôn với anh Hồ Thanh Đ.

1.2 Về con chung: Giao cháu Hồ Minh T1, sinh ngày 06-3-2011 và cháu Hồ Minh P, sinh ngày 26-11-2014 cho anh Hồ Thanh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh Hồ Thanh Đ không yêu cầu chị Đoàn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con. Chị Đoàn Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Hồ Thanh Đ đối với chị Đoàn Thị Thu T về việc “Chia tài sản khi ly hôn”.

2.1 Ghi nhận các đương sự thống nhất như sau:

Giao cho anh Hồ Thanh Đ được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 407m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ 16 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Xã Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 561451 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Đoàn Thị Thu T và anh Hồ Thanh Đ vào ngày 01-6-2020; có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa 497 dài 67.32 mét.
- + Phía Nam giáp thửa 520 dài 68.85 mét.
- + Phía Tây giáp thửa 158 dài 6.24 mét.
- + Phía Bắc giáp đường sỏi đá dài 6 mét.

Các đương sự không tranh chấp về tài sản trên đất.

Anh Hồ Thanh Đ có trách nhiệm thanh toán khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín theo Hợp đồng tín dụng số 202327282575 và thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01/202327282575 khi Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín có yêu cầu.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 561451 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Đoàn Thị Thu T và anh Hồ Thanh Đ vào ngày 01-6-2020 cho phù hợp với Bản án này sau khi anh Đ thanh toán xong khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Thanh Đ đối với chị Đoàn Thị Thu T về việc chia tài sản là phần đất diện tích 182,7m² thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là phường Ninh Thạnh, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 709284 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25-02-2022.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Đoàn Thị Thu T có nghĩa vụ trả lại cho anh Hồ Thanh Đ số tiền 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005195 ngày 19-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

Anh Hồ Thanh Đ phải chịu 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005195 ngày 19-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Đ còn phải nộp số tiền án phí là 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND KV.11;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Cầu Khởi;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân